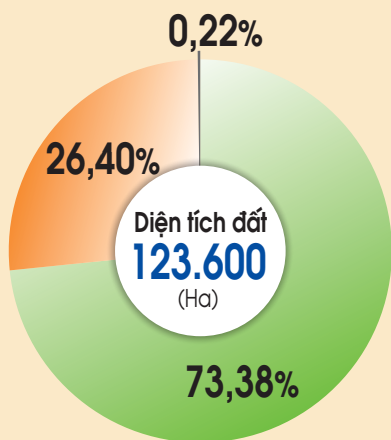


MỘT SỐ CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH NĂM 2023

ĐẤT ĐAI VÀ DÂN SỐ



■ Đất nông nghiệp ■ Đất phi nông nghiệp
■ Đất chưa sử dụng



Nam
604.741
▲ 1,12%

Nữ
606.605
▲ 1,17%

Thành thị
410.995
▲ 12,24%

Nông thôn
800.351
▼ 3,74%

LAO ĐỘNG VIỆC LÀM

Lực lượng lao động



607.007
(Người)

▲ 2,41%

Số lao động có việc làm
trong nền kinh tế



597.427
(Người)

▲ 2,25%

Năng suất lao động



264,63

(Triệu đồng/người)

Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo
(có bằng, chứng chỉ)

35,78%



Tỷ lệ thất nghiệp
trong độ tuổi lao động

1,72%



MỘT SỐ CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH NĂM 2023

DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp tại thời điểm 31/12 năm 2022

Số doanh nghiệp đang hoạt động
có kết quả sản xuất kinh doanh

7.185

(Doanh nghiệp)

Số lao động trong doanh nghiệp
đang hoạt động sản xuất kinh doanh

238.068

(Người)

Đăng ký doanh nghiệp năm 2023 (Doanh nghiệp)

Số doanh nghiệp
thành lập mới

New 1.523

📈 12,15%

Số doanh nghiệp
giải thể

166

📈 78,49%

Số doanh nghiệp
tạm ngừng hoạt động

729

📈 29,26%

Số doanh nghiệp
quay trở lại hoạt động

371

📉 6,55%

ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài trong năm



Số dự án được cấp
giấy phép (Dự án)

78

📈 11,43%



Vốn đăng ký
(Triệu USD)

604

📈 30,74%

Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn
theo giá hiện hành (Tỷ đồng)

53.285

📈 3,55%

Diện tích sàn xây dựng nhà ở
hoàn thành



2.130 Nghìn m²

📈 2,50%



Nhà nước

11.631

📈 13,58%



Ngoài
Nhà nước

23.839

📉 4,91%



FDI

17.815

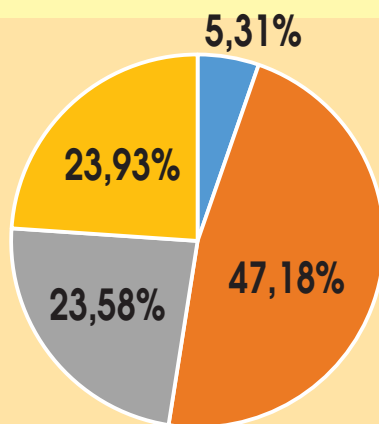
📈 10,31%

MỘT SỐ CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH NĂM 2023

TÀI KHOẢN QUỐC GIA

Cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn theo giá hiện hành

- Nông, lâm nghiệp và thủy sản
- Công nghiệp và xây dựng
- Dịch vụ
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm



Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (theo giá so sánh 2010)

GRDP

Nông, lâm nghiệp và thủy sản

Công nghiệp và Xây dựng

Dịch vụ

Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm

2,37%

5,29%

0,34%

8,61%

2,23%

Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong tổng sản phẩm (%)

26,12%

TÀI CHÍNH CÔNG

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (Tỷ đồng)



67.577,8

10,33%

Chi ngân sách nhà nước trên địa bàn (Tỷ đồng)



38.902,0

32,42%

MỘT SỐ CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH NĂM 2023

NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

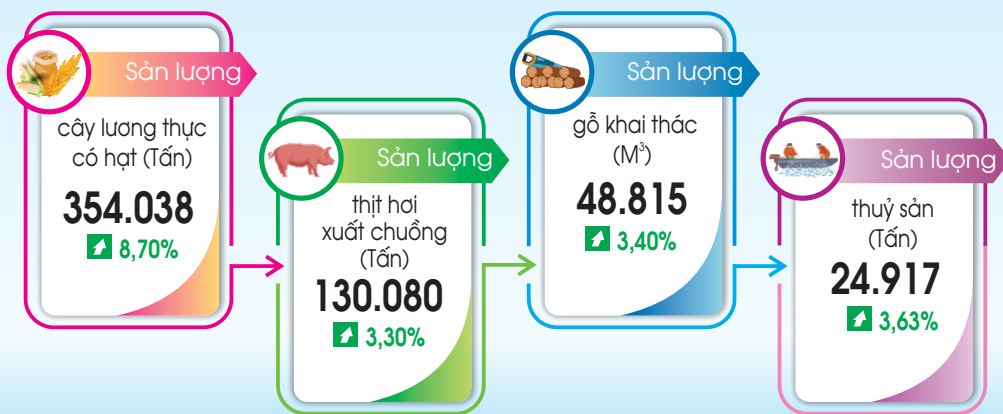
Giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản trên 1 ha đất sản xuất nông nghiệp và đất nuôi trồng thủy sản (Triệu đồng)



124,74
▲ 10,08%

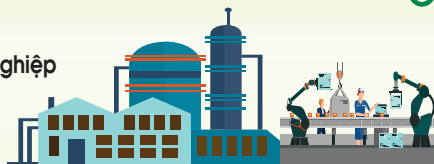
Giá trị sản phẩm nông nghiệp trên 1 ha đất sản xuất nông nghiệp
114,90
▲ 10,79%

Giá trị sản phẩm thủy sản trên 1 ha đất nuôi trồng thủy sản
227,79
▲ 4,66%



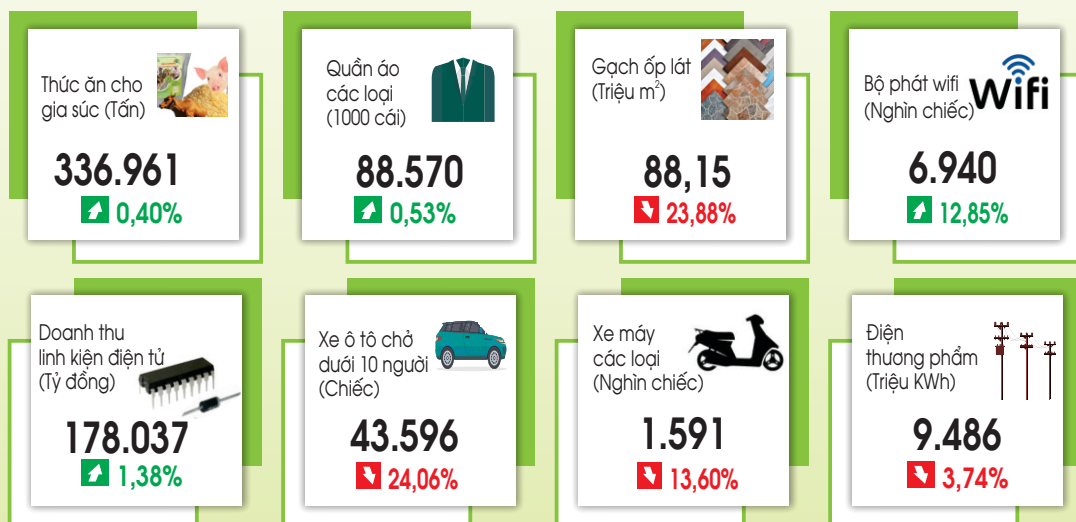
CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp



99,29%

Sản phẩm chủ yếu của ngành công nghiệp



MỘT SỐ CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH NĂM 2023

THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ

Doanh thu bán lẻ hàng hoá
(Tỷ đồng)



59.539

▲ 16,32%

Doanh thu dịch vụ lưu trú
và ăn uống (Tỷ đồng)



6.320

▲ 41,66%

Doanh thu dịch vụ khác
(Tỷ đồng)



6.621

▲ 18,75%

Doanh thu du lịch lữ hành
(Tỷ đồng)



259

▲ 135,26%

Doanh thu vận tải, kho bãi
và dịch vụ hỗ trợ vận tải
(Tỷ đồng)



6.801

▲ 12,33%

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG BÌNH QUÂN NĂM
SO VỚI BÌNH QUÂN NĂM TRƯỚC (%)



102,32

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Số thuê bao điện thoại
(Nghìn thuê bao)



1.384

▼ 0,72%

Số lượng thuê bao truy nhập internet băng rộng
(Nghìn thuê bao)



1.305

▲ 10,29%

Số dịch vụ hành chính công
có phát sinh hồ sơ trực tuyến

310

(Dịch vụ)

▼ 15,53%

34

(Tổ chức)

▲ 9,68%

Số tổ chức khoa học
và công nghệ

MỘT SỐ CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH NĂM 2023

GIÁO DỤC

GIÁO DỤC MẦM NON



Số lớp mầm non (Lớp)



Số giáo viên mầm non (Người)



Số cơ sở mầm non (Trường)

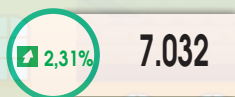


Số phòng học mầm non (Phòng)



Số học sinh mầm non (Cháu)

Số trường phổ thông (Trường)



Số phòng học (Phòng)



Số học sinh phổ thông (Người)

GIÁO DỤC PHỔ THÔNG



Số lớp học (Lớp)



Số giáo viên phổ thông (Người)



Y TẾ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Số bác sĩ
bình quân
một vạn dân
(Bác sĩ)



17,0
13,33%

Số giường bệnh
bình quân
một vạn dân
(Giường)



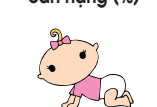
40,7
0,74%

Tỷ lệ trẻ em
dưới 1 tuổi
được tiêm chủng
đầy đủ
các loại vắc xin



95,0%

Tỷ lệ trẻ em
dưới 5 tuổi
bị suy dinh dưỡng
cân nặng (%)



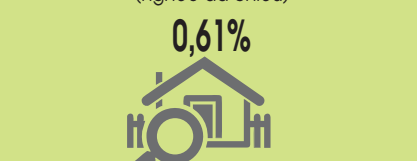
7,0%

MỨC SỐNG DÂN CƯ

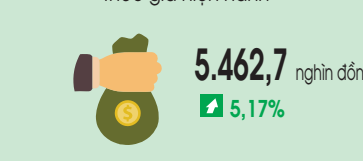
Chỉ số phát triển
con người năm 2022 (HDI)



Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chuẩn của Chính phủ
(nghèo đa chiều)

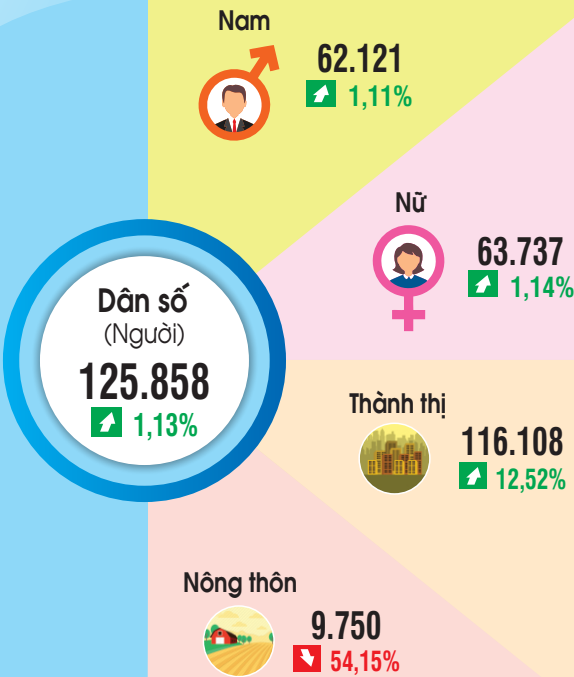
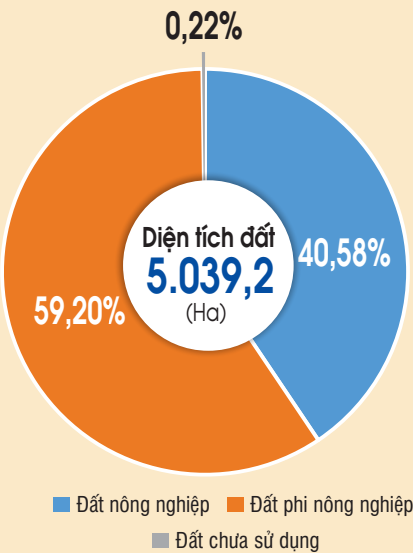


Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng
theo giá hiện hành

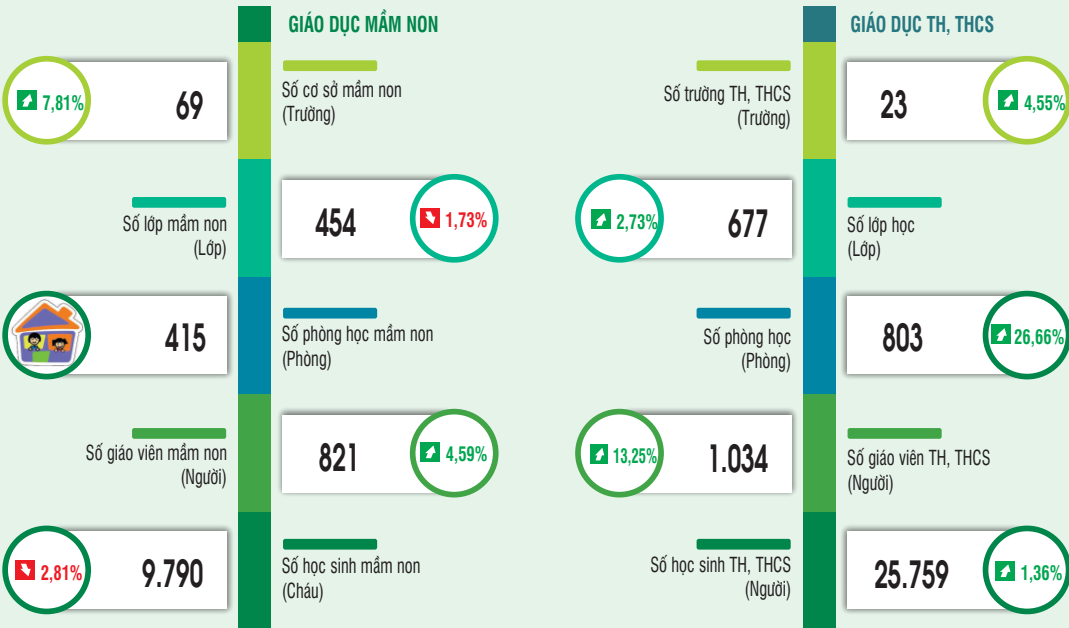


I. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NĂM 2023 THÀNH PHỐ VĨNH YÊN

ĐẤT ĐAI VÀ DÂN SỐ



XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG



Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin 98,50%



Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng theo giá hiện hành (Nghìn đồng)



6.758,0 6,78%

I. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NĂM 2023 THÀNH PHỐ VINH YÊN

KINH TẾ

Doanh nghiệp tại thời điểm 31/12 năm 2022

Số doanh nghiệp đang hoạt động
có kết quả sản xuất kinh doanh

2.452  **9,99%**
(Doanh nghiệp)

Số lao động trong doanh nghiệp
đang hoạt động sản xuất kinh doanh

69.320  **2,09%**
(Người)

Vốn đầu tư thực hiện thuộc
nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý
(Tỷ đồng)



445
 **16,80%**

3.920,8
 **7,42%**



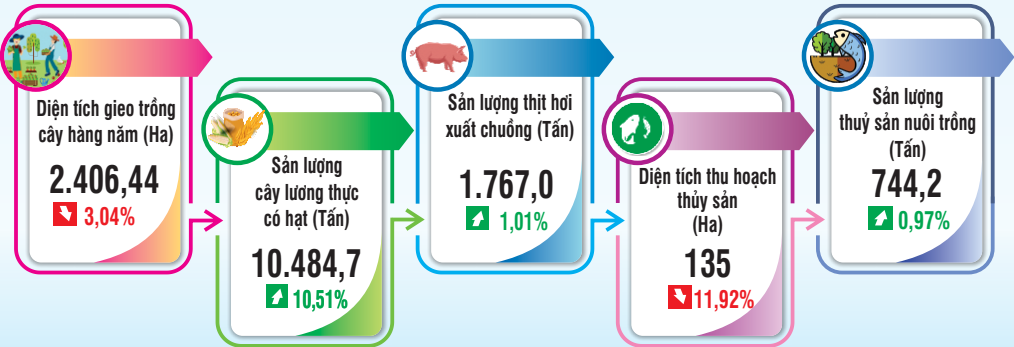
Thu ngân sách nhà nước
trên địa bàn (Tỷ đồng)



Chi ngân sách Nhà nước
trên địa bàn (Tỷ đồng)

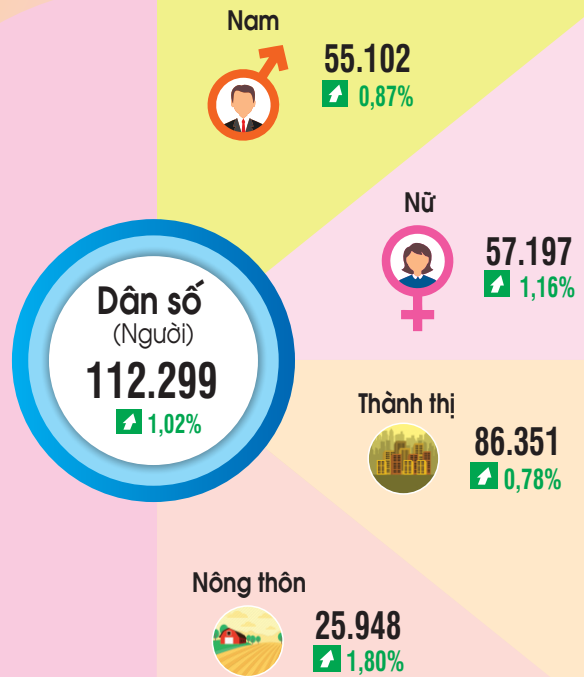
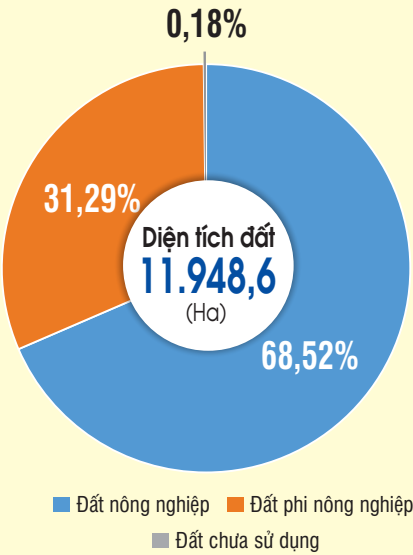
2.915,3
 **12,45%**

Nông, lâm nghiệp và thủy sản

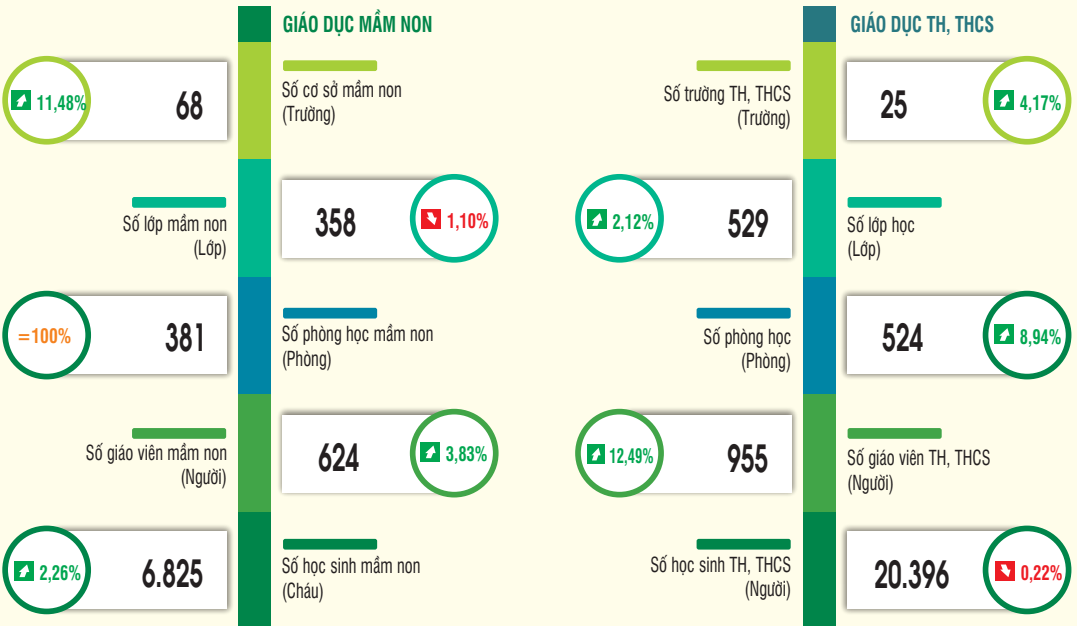


II. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NĂM 2023 THÀNH PHỐ PHÚC YÊN

ĐẤT ĐAI VÀ DÂN SỐ



XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG



Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin: **95,02%**



Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng theo giá hiện hành (Ngàn đồng)



5.782,3 (↑ 5,05%)

II. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NĂM 2023 THÀNH PHỐ PHÚC YÊN

KINH TẾ

Doanh nghiệp tại thời điểm 31/12 năm 2022

Số doanh nghiệp đang hoạt động
có kết quả sản xuất kinh doanh

908  **1,73%**
(Doanh nghiệp)

Số lao động trong doanh nghiệp
đang hoạt động sản xuất kinh doanh

32.976  **5,91%**
(Người)

Vốn đầu tư thực hiện thuộc
nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý
(Tỷ đồng)



685  **60,80%**

2.267,0  **17,93%**



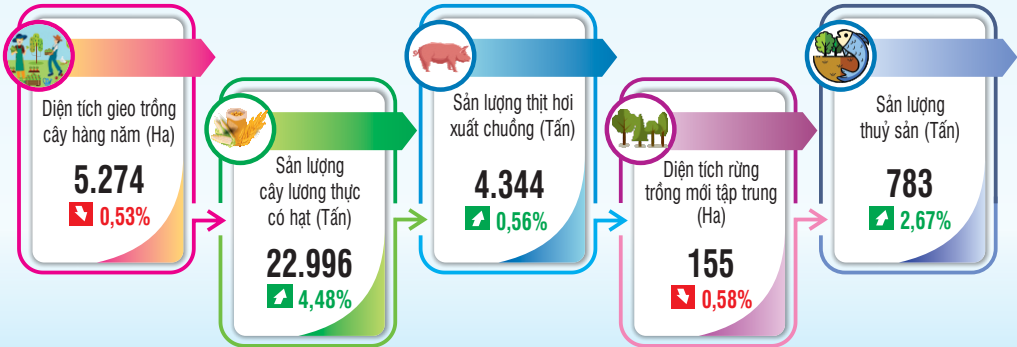
Thu ngân sách nhà nước
trên địa bàn (Tỷ đồng)



Chi ngân sách Nhà nước
trên địa bàn (Tỷ đồng)

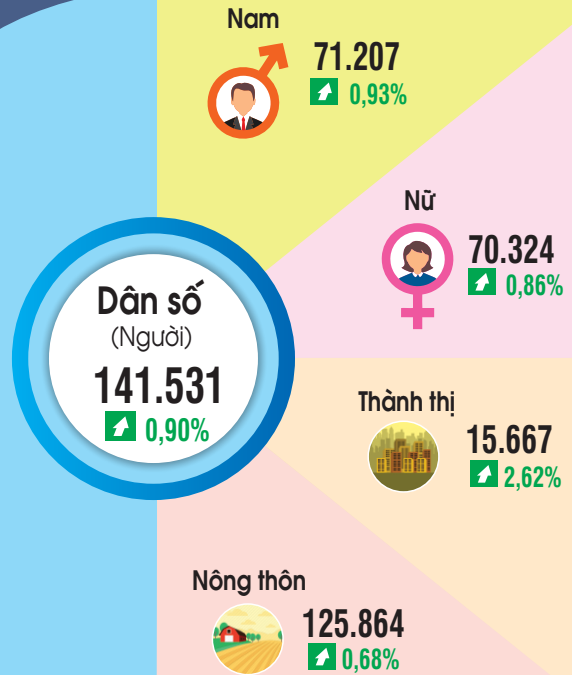
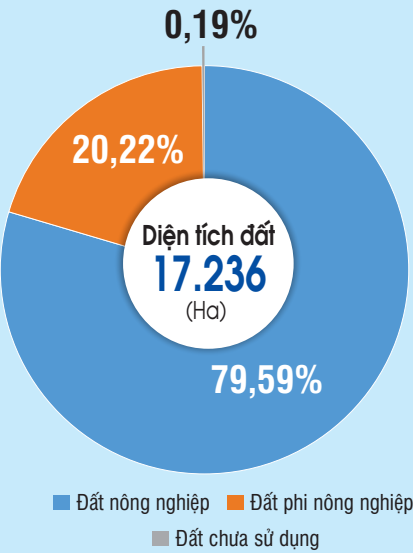
2.180,0  **10,18%**

Nông, lâm nghiệp và thủy sản

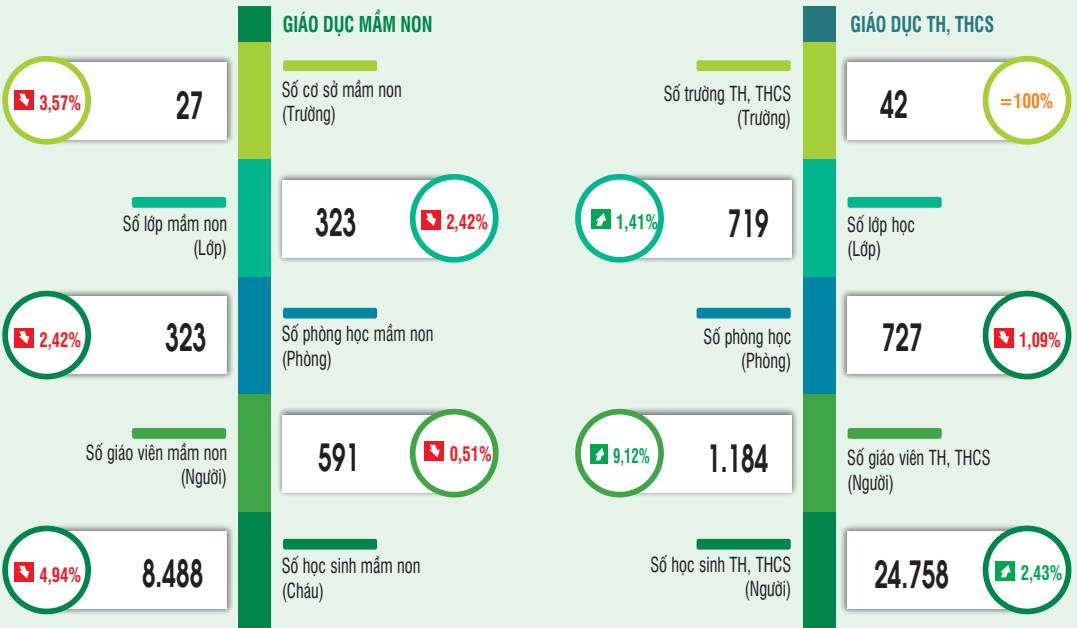


III. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NĂM 2023 HUYỆN LẬP THẠCH

ĐẤT ĐAI VÀ DÂN SỐ



XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG



Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin: **94,01%**



Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng theo giá hiện hành (Ngàn đồng)



5.099,4 (↑ 6,69%)

III. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NĂM 2023 HUYỆN LẬP THẠCH

KINH TẾ

Doanh nghiệp tại thời điểm 31/12 năm 2022

Số doanh nghiệp đang hoạt động
có kết quả sản xuất kinh doanh

342  **6,04%**

(Doanh nghiệp)

Số lao động trong doanh nghiệp
đang hoạt động sản xuất kinh doanh

15.589  **0,48%**

(Người)

Vốn đầu tư thực hiện thuộc
nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý
(Tỷ đồng)



702,8

 **28,11%**

358,0

 **1,30%**



Thu ngân sách nhà nước
trên địa bàn (Tỷ đồng)

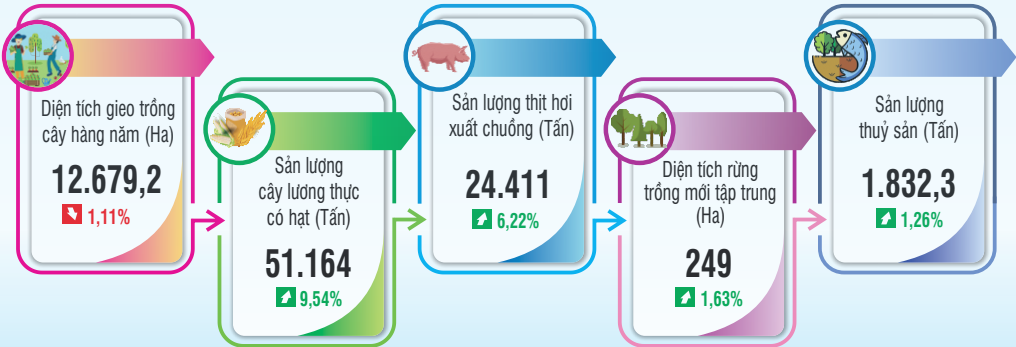


Chi ngân sách Nhà nước
trên địa bàn (Tỷ đồng)

1.310,0

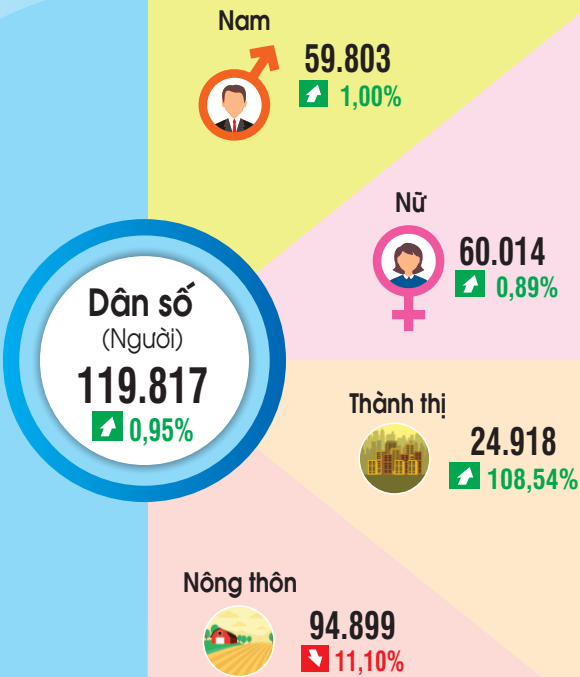
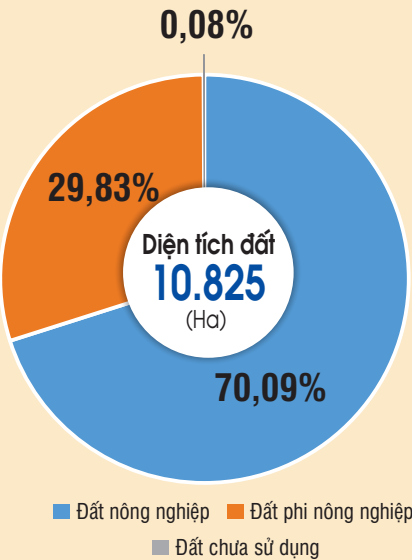
 **2,06%**

Nông, lâm nghiệp và thủy sản

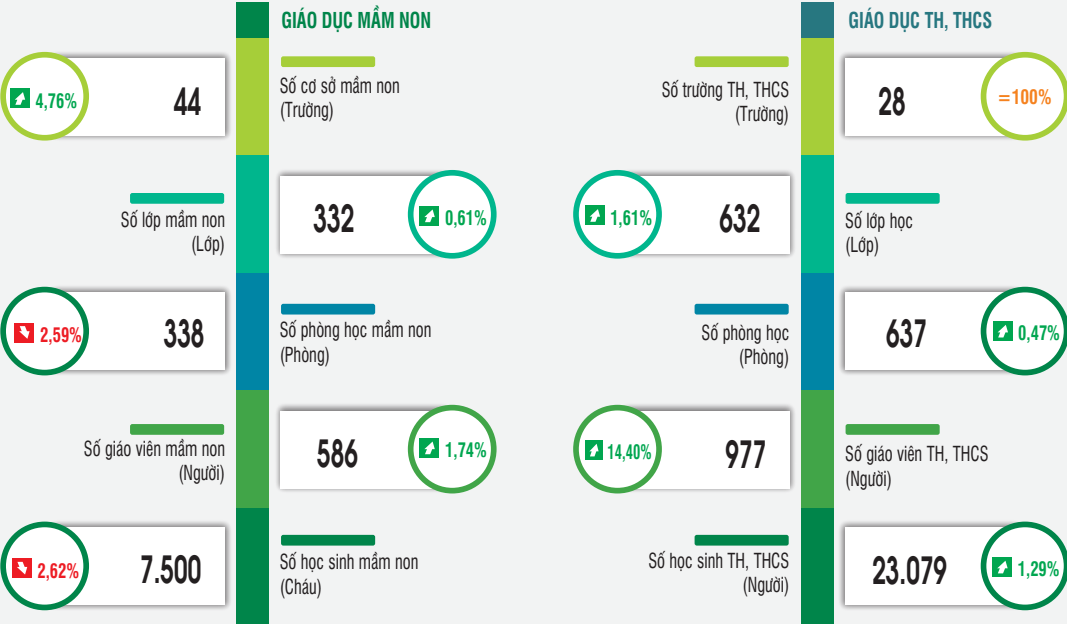


IV. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NĂM 2023 HUYỆN TAM DƯƠNG

ĐẤT ĐAI VÀ DÂN SỐ



XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG



Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin **94,0%**



Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng theo giá hiện hành (Nghìn đồng)



5.184
▲ 3,55%

IV. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NĂM 2023 HUYỆN TAM DƯƠNG

KINH TẾ

Doanh nghiệp tại thời điểm 31/12 năm 2022

Số doanh nghiệp đang hoạt động
có kết quả sản xuất kinh doanh

486  7,52%

(Doanh nghiệp)

Số lao động trong doanh nghiệp
đang hoạt động sản xuất kinh doanh

8.829  17,12%

(Người)

Vốn đầu tư thực hiện thuộc
nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý
(Tỷ đồng)



272,0

 25,99%

2.241,4

 4,31%



Thu ngân sách nhà nước
trên địa bàn (Tỷ đồng)

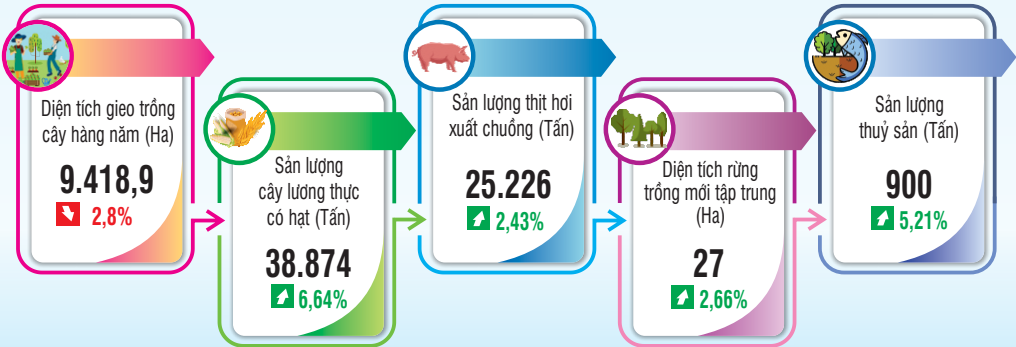


Chi ngân sách Nhà nước
trên địa bàn (Tỷ đồng)

1.791,5

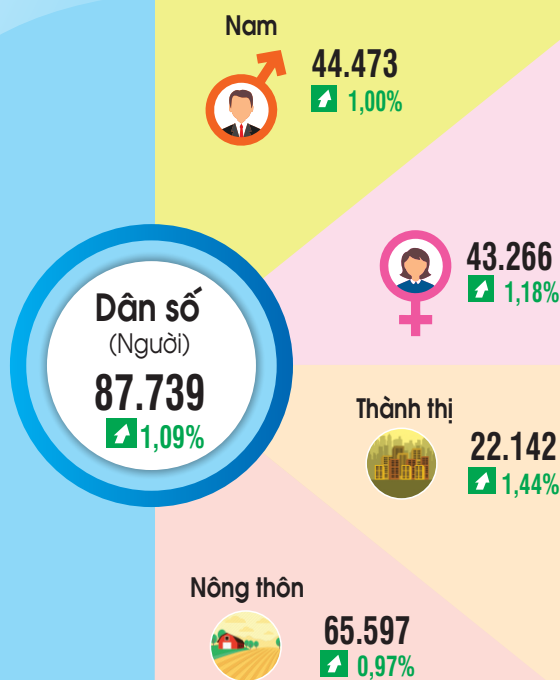
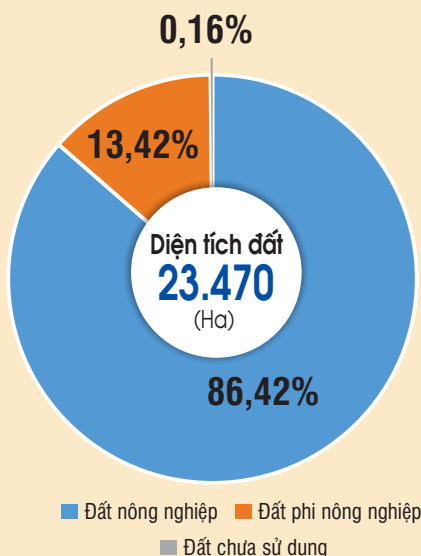
 20,32%

Nông, lâm nghiệp và thủy sản

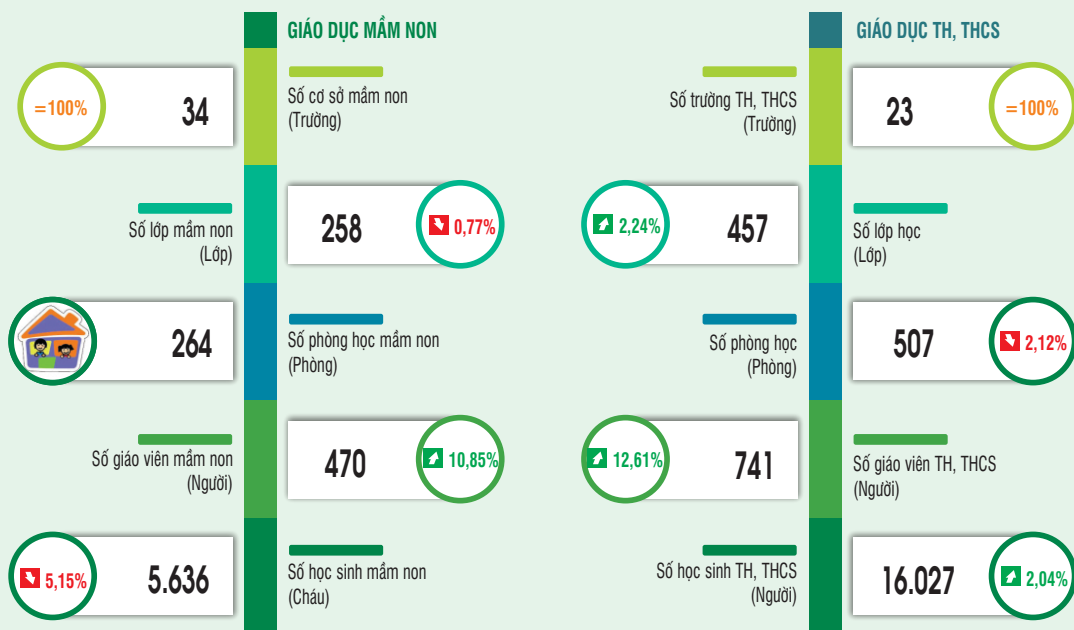


V. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NĂM 2023 HUYỆN TAM ĐẢO

ĐẤT ĐAI VÀ DÂN SỐ



XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG



Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin **80,4%**



Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng theo giá hiện hành (Nghìn đồng)



5.125
📈 7,20%

V. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NĂM 2023 HUYỆN TAM ĐẢO

KINH TẾ

Doanh nghiệp tại thời điểm 31/12 năm 2022

Số doanh nghiệp đang hoạt động
có kết quả sản xuất kinh doanh

210  **13,51%**

(Doanh nghiệp)

Số lao động trong doanh nghiệp
đang hoạt động sản xuất kinh doanh

1.860  **9,48%**

(Người)

Vốn đầu tư thực hiện thuộc
nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý
(Tỷ đồng)



291,2

 **21,78%**

1.787,6

 **17,04%**



Thu ngân sách nhà nước
trên địa bàn (Tỷ đồng)



Chi ngân sách Nhà nước
trên địa bàn (Tỷ đồng)

1.255,7

 **18,22%**

Nông, lâm nghiệp và thủy sản



Diện tích gieo trồng
cây hàng năm (Ha)

7.525,0

 **0,69%**



Sản lượng
cây lương thực
có hạt (Tấn)

25.825

 **2,40%**



Sản lượng thịt hơi
xuất chuồng (Tấn)

19.689

 **3,72%**



Diện tích rừng
trồng mới tập trung
(Ha)

102

 **2,86%**



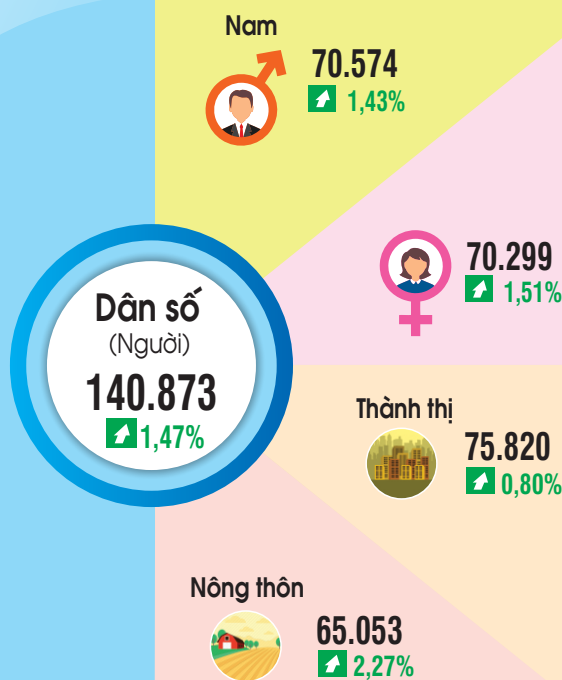
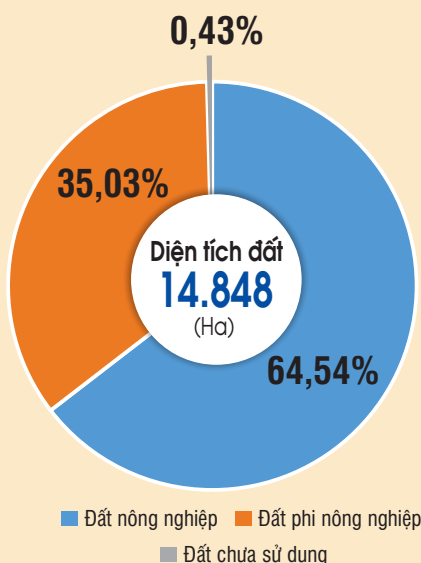
Sản lượng
thủy sản nuôi trồng
(Tấn)

192

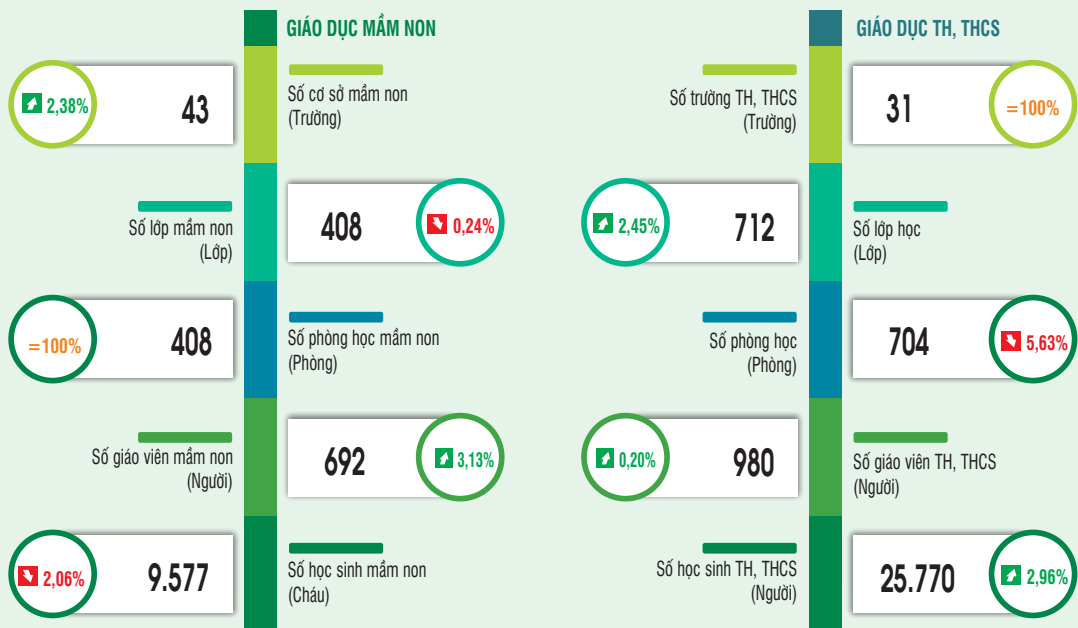
 **2,98%**

VI. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NĂM 2023 HUYỆN BÌNH XUYỀN

ĐẤT ĐAI VÀ DÂN SỐ



XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG



Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin
96,30%



Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng theo giá hiện hành (Ngàn đồng)

5.463,0
3,19%

VI. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NĂM 2023 HUYỆN BÌNH XUYỀN

KINH TẾ

Doanh nghiệp tại thời điểm 31/12 năm 2022

Số doanh nghiệp đang hoạt động
có kết quả sản xuất kinh doanh

1.184  **5,53%**

(Doanh nghiệp)

Số lao động trong doanh nghiệp
đang hoạt động sản xuất kinh doanh

92.797  **8,63%**

(Người)

Vốn đầu tư thực hiện thuộc
nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý
(Tỷ đồng)



608,3

 **7,17%**

3.540,0

 **30,55%**



Thu ngân sách nhà nước
trên địa bàn (Tỷ đồng)

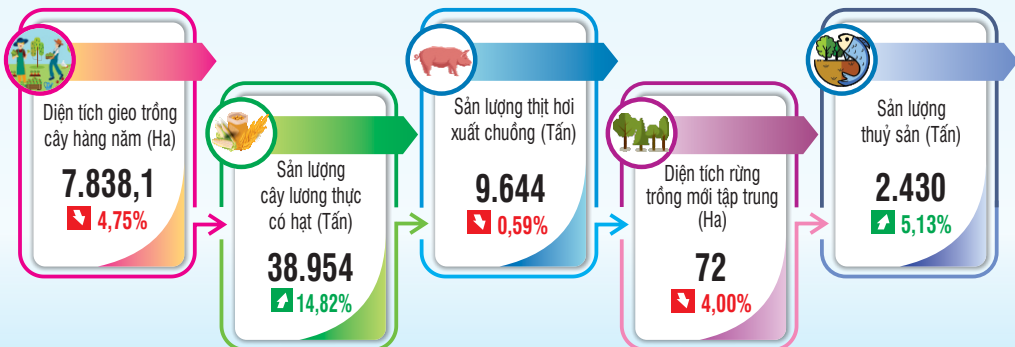


Chi ngân sách Nhà nước
trên địa bàn (Tỷ đồng)

2.833,7

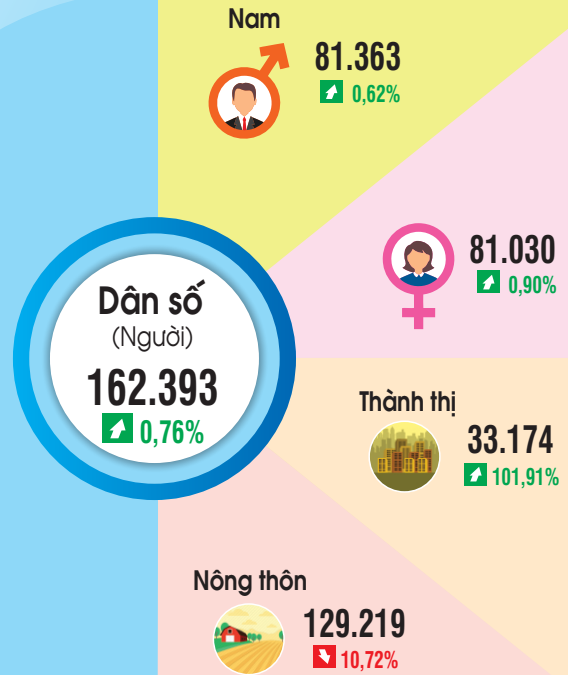
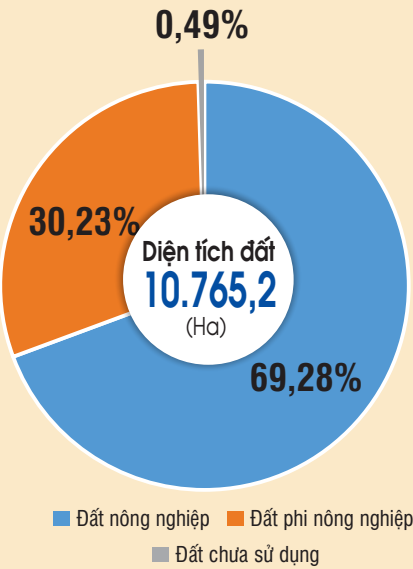
 **2,68%**

Nông, lâm nghiệp và thủy sản

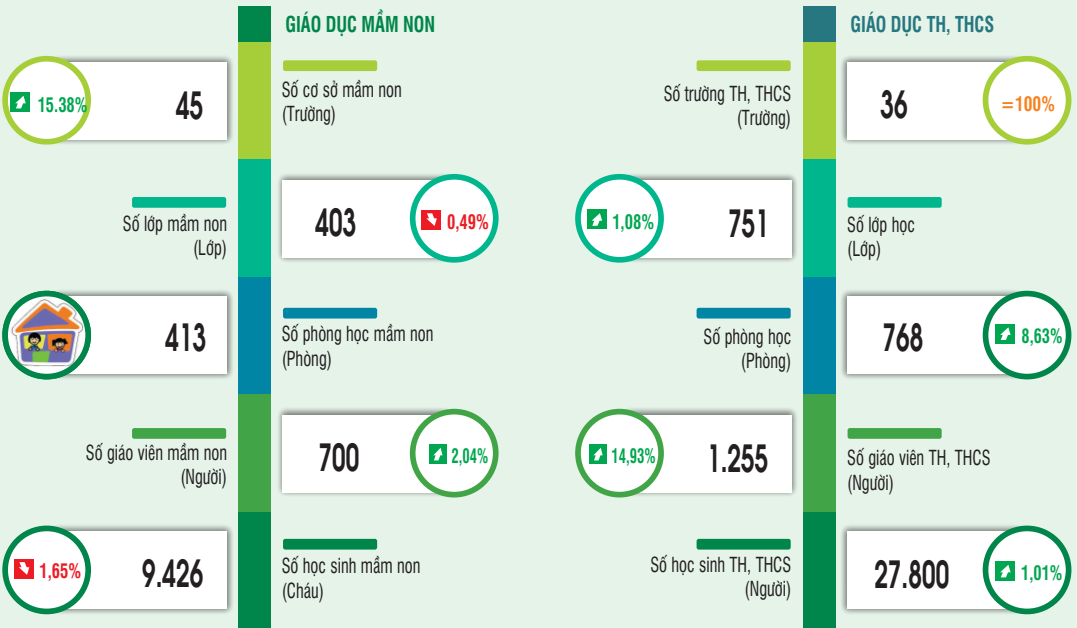


VII. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NĂM 2023 HUYỆN YÊN LẠC

ĐẤT ĐAI VÀ DÂN SỐ



XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG



Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin **97,49%**



Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng theo giá hiện hành (Ngàn đồng)



5.447,3
📈 6,03%

VII. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NĂM 2023 HUYỆN YÊN LẠC

KINH TẾ

Doanh nghiệp tại thời điểm 31/12 năm 2022

Số doanh nghiệp đang hoạt động
có kết quả sản xuất kinh doanh

649  **2,99%**
(Doanh nghiệp)

Số lao động trong doanh nghiệp
đang hoạt động sản xuất kinh doanh

4.582  **8,97%**
(Người)

Vốn đầu tư thực hiện thuộc
nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý
(Tỷ đồng)



859,89
 **0,03%**

2.652,2
 **3,43%**



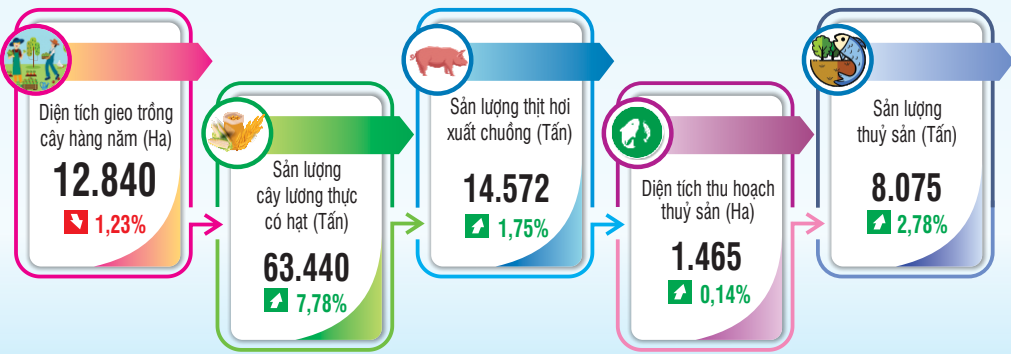
Thu ngân sách nhà nước
trên địa bàn (Tỷ đồng)



Chi ngân sách Nhà nước
trên địa bàn (Tỷ đồng)

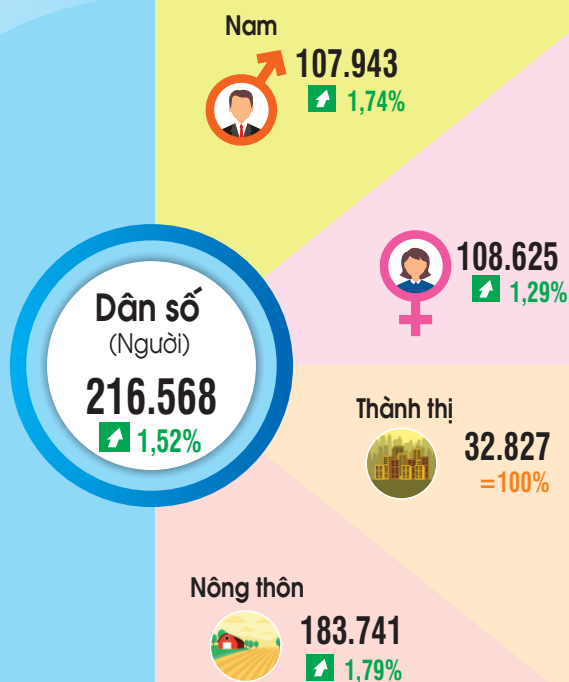
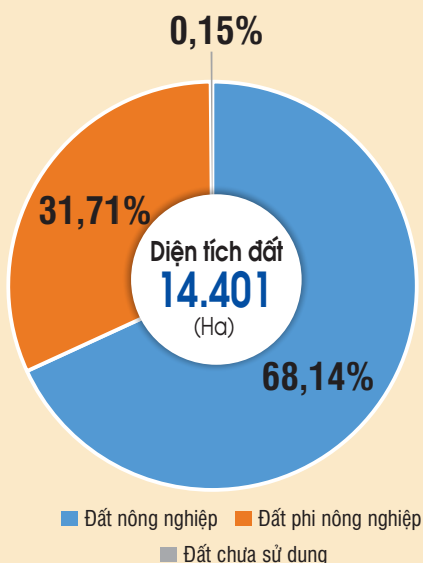
2.595,5
 **1,77%**

Nông, lâm nghiệp và thủy sản

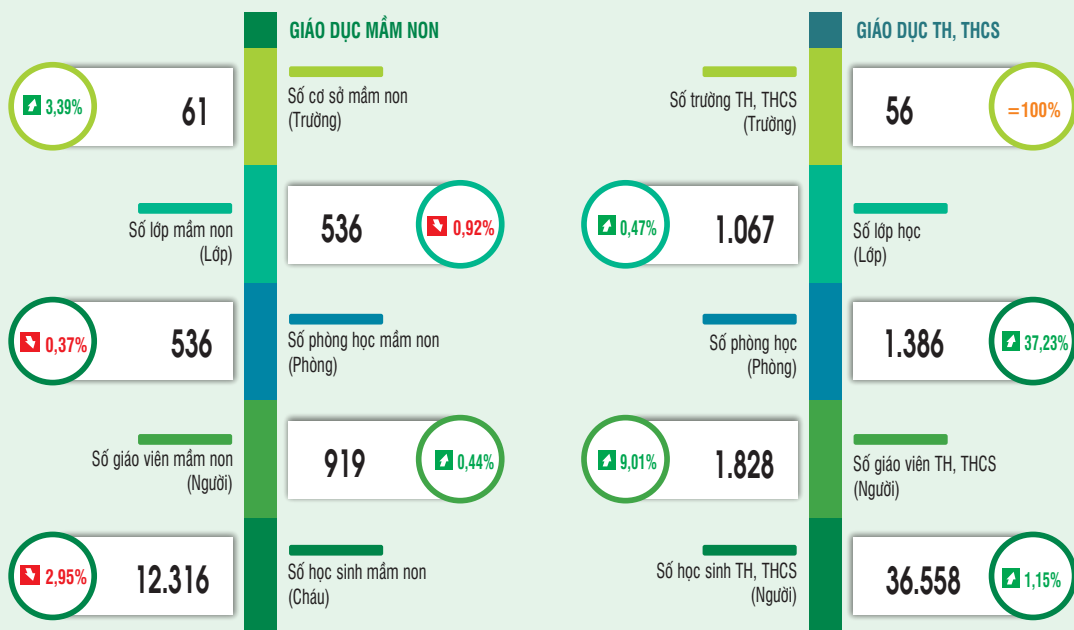


VIII. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NĂM 2023 HUYỆN VĨNH TƯỜNG

ĐẤT ĐAI VÀ DÂN SỐ



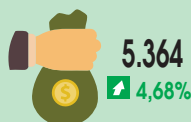
XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG



Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng
đầy đủ các loại vắc xin
98,00%



Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng
theo giá hiện hành (Ngàn đồng)



VIII. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NĂM 2023 HUYỆN VĨNH TƯỜNG

KINH TẾ

Doanh nghiệp tại thời điểm 31/12 năm 2022

Số doanh nghiệp đang hoạt động
có kết quả sản xuất kinh doanh

812  **1,81%**

(Doanh nghiệp)

Số lao động trong doanh nghiệp
đang hoạt động sản xuất kinh doanh

10.868  **9,47%**
(Người)

Vốn đầu tư thực hiện thuộc
nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý
(Tỷ đồng)



1.641
 **7,18%**

600,4
 **62,75%**



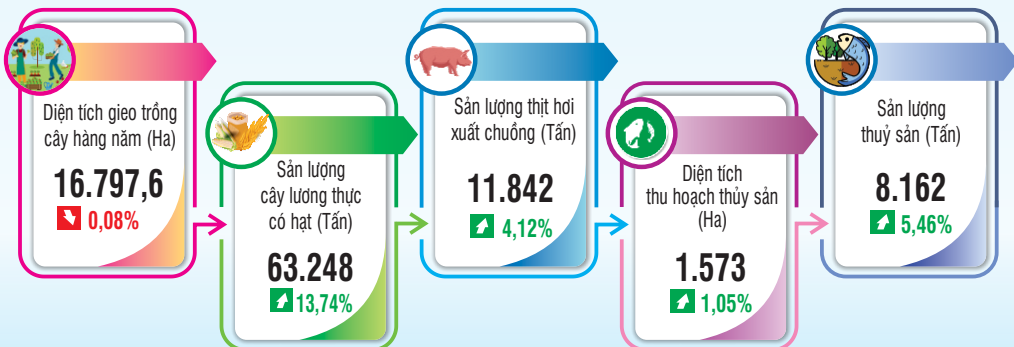
Thu ngân sách nhà nước
trên địa bàn (Tỷ đồng)



Chi ngân sách Nhà nước
trên địa bàn (Tỷ đồng)

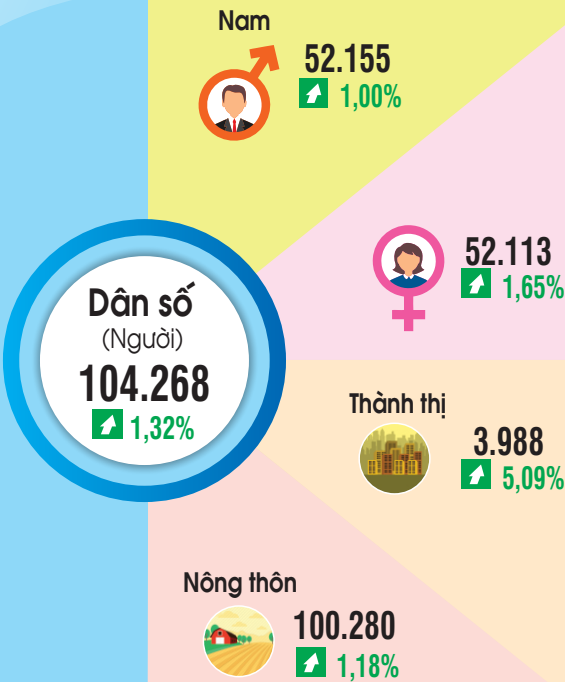
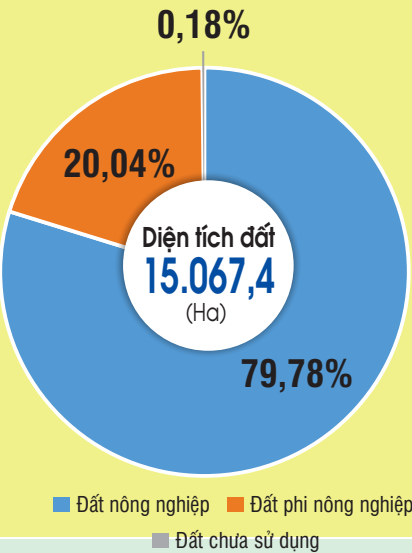
3.161,3
 **0,77%**

Nông, lâm nghiệp và thủy sản

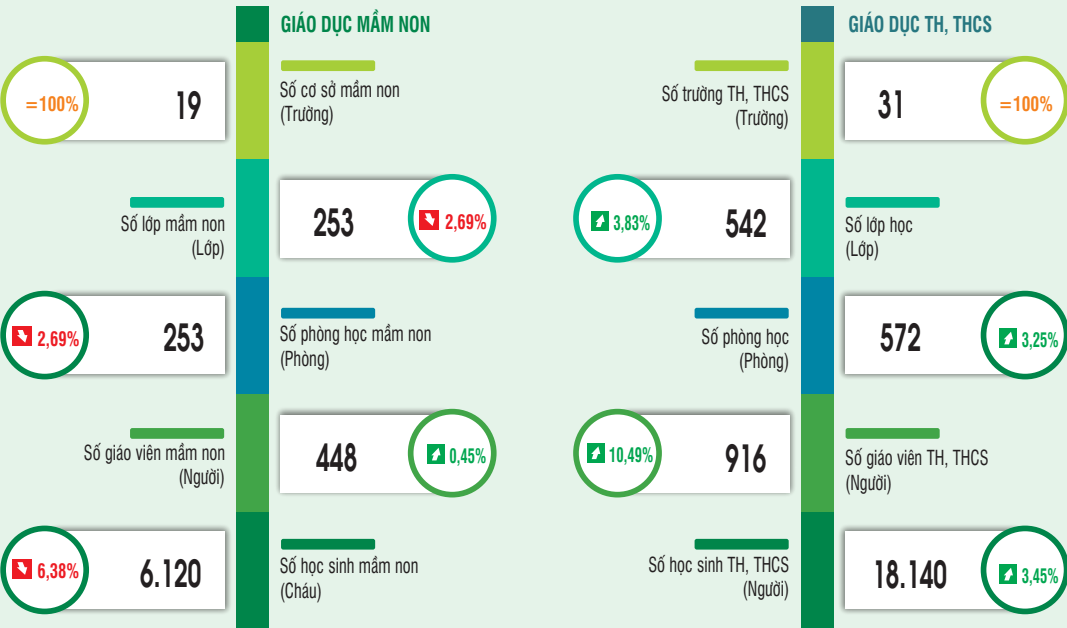


IX. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NĂM 2023 HUYỆN SÔNG LÔ

ĐẤT ĐAI VÀ DÂN SỐ



XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG



Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin

94,20%



Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng theo giá hiện hành (Ngàn đồng)



4.945,9

5,10%

IX. HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ NĂM 2023 HUYỆN SÔNG LÔ

KINH TẾ

Doanh nghiệp tại thời điểm 31/12 năm 2022

Số doanh nghiệp đang hoạt động
có kết quả sản xuất kinh doanh

142 =100%
(Doanh nghiệp)

Số lao động trong doanh nghiệp
đang hoạt động sản xuất kinh doanh

1.247 ↑ 25,83%
(Người)

Vốn đầu tư thực hiện thuộc
nguồn vốn NSNN do địa phương quản lý
(Tỷ đồng)



484,5
↑ 94,97%

1.696,5
↓ 12,09%



Thu ngân sách nhà nước
trên địa bàn (Tỷ đồng)



Chi ngân sách Nhà nước
trên địa bàn (Tỷ đồng)

2.679,5
↓ 7,17%

Nông, lâm nghiệp và thủy sản

